TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 369 /2023/DS-PT
Ngày 24 - 11 - 2023
V/v *Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết
Các Thẩm phán: Ông Trương Công Bình.
Ông Văn Công Dần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 300/2023/ TLPT-DS ngày 17/10/2023, về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".* Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2023/DSST ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 292/2023/QĐ-PT ngày 25/10/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn T – sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn G, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Danh T1 – Sinh năm: 1979

Địa chỉ: Thôn F, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

3. Người làm chứng:

3.1. Anh Phan Văn N; địa chỉ: Thôn G, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

3.2. Bà Lê Hồng H; địa chỉ: Thôn G, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk(Vắng mặt).

3.3. Bà Phan Thị Bích V; địa chỉ: Thôn G, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

3.4. Ông Nguyễn Cảnh B; địa chỉ: Thôn G, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk(Vắng mặt).

3.5. Ông Trần Minh T2; địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

3.6. Ông Lâm Văn T3; địa chỉ: Thôn G, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk(Vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Danh T1.

5. Người kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện E .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Văn T **trình bày:** Vào ngày 14/4/2022 tôi có mua 02 ha mì non của ông Nguyễn Cảnh B để tiếp tục chăm sóc.Trước ngày 12-8-2022 tôi nhờ anh Phan Văn N cùng thôn gọi điện nói với ông Nguyễn Danh T1 nếu muốn mua mì của tôi thì đến thăm mì,. Sau đó ông T1 đến rẫy mì của tôi để thăm và đồng ý mua mì. Tôi và ông T1 thỏa thuận bằng miệng với giá 1.600 đồng/kg mì sạch, khi cân xong mì tôi lấy phiếu cân về giao cho ông T1 và ông T1 phải thanh toán tiền cho tôi.

Đến ngày 12, 13/8/2022, ông T1 cho người đến nhổ mì và cho xe kéo mì đi cân, tôi đến rẫy mỳ và cùng theo xe đi cân, sau khi cân tôi đã giao 04 phiếu cân mì cho ông T1 với số lượng là 22.759kg, thành tiền là 36.414.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu bốn trăm mười bốn ngàn đồng*)nhưng ông T1 không trả tiền cho tôi nên tôi đã khiếu nại đề nghị UBND xã C giải quyết. Tại biên bản hòa giải ngày 07/10 /2022, ông T1 cho rằng, phải có anh N về thì ông T1 mới trả tiền cho tôi, trong khi người bán mì cho ông T1 là tôi, anh N không liên quan đến việc mua bán mì giữa tôi với ông T1 nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T1 phải thanh toán đủ cho tôi tổng số tiền đã mua mì là **36.414.000đồng** tôi không yêu cầu ông T1 phải trả lãi suất.

Bị đơn ông Nguyễn Danh T1 **trình bày:** Trước ngày 12/8/2022 anh N có điện thoại cho tôi bảo có mua mì ký không thì tôi đồng ý mua mì với giá 1.600 đồng/kg mì sạch, anh N đồng ý bán mì và dắt tôi đi xem 04 đám mì với diện tích khoảng 10ha. Sau khi đi xem mì tôi đồng ý mua và ứng trước cho anh N số tiền 20.000.000^{đ} (*Hai mươi triệu đồng*). Đến ngày 12/8/2022 tôi cho người vào nhổ được hai xe mì và chở đi cân tại trạm cân Hội Lụa. Khi đến trạm cân Hội Lụa thì có ông T đi theo coi cân và cầm phiếu cân. Đến tối chị H gọi cho tôi nói anh N thiếu tiền phân của chị H nên tôi đã gọi cho anh N và sau đó tôi cho anh N ứng thêm 40.000.000^{đ} (*Bốn mươi triệu đồng*) để trả tiền phân bón cho chị H rồi anh N để tôi tiếp tục nhổ mì. Sau đó, anh N bỏ trốn còn ông T nói tôi mua mì của ông thì phải thanh toán cho ông nên tôi không đồng ý vì tôi mua mì của anh N chứ không mua mì của ông T.

Tại bản án sơ thẩm số 10/2023/DSST ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp**, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

Căn cứ Điều 430, 431, 432; 433, 434, và Điều 440 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T.

Buộc ông Nguyễn Danh T1 có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn T tổng số tiền mua mì còn nợ là 36.414.000^{đ} (*Ba mươi sáu triệu bốn trăm mười bốn ngàn đồng*).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng và án phí, tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/8/2023, ông Nguyễn Danh T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 18/8/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp ban hành Quyết định kháng nghị số 414/QĐ-VKS-DS đối với bản án sơ thẩm số 10/2023/DSST ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp với lý do:

Thứ nhất: Tòa án xác định anh Phan Văn N là người làm chứng là không đúng mà phải xác định anh Phan Văn N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện anh N đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 8/2022 nhưng Tòa án không tiến hành niêm yết tại địa phương mà ban hành Thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú là không phù hợp.

Thứ hai, L khai ông Nguyễn Danh T1 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện: anh Phan Văn N là người gọi điện cho ông T1 để bán mì và thỏa thuận giá là 1.600 đồng/kg mì sạch, anh N là người dẫn ông T1 đi xem mì trước khi nhổ. Ngày nhổ mì thứ hai (ngày 13/8/2022) ông T với ông T1 mới gặp nhau tại rẫy mì. Như vậy có thể thấy, khi ông T1 và ông T gặp nhau thì việc thỏa thuận mua bán mì đã xong về giá cả, vị trí nhổ mì, ông T1 cũng đã tiến hành nhổ mì và thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho anh N (mặc dù không lập thành giấy tờ nhưng lời khai của ông Lâm Văn T3 thể hiện có thấy việc ông T1 đưa tiền mua bán mì cho anh N). Do đó, thoả thuận việc mua bán mì là giữa anh N với ông T1 là có căn cứ. Việc ông T bán mì không có giấy tờ, không có người làm chứng khác, nên không có đủ căn cứ để xác định có việc mua bán mì giữa ông T và ông T1.

Việc Tòa án sơ thẩm căn cứ vào 04 phiếu cân mỳ do ông T cung cấp để buộc ông T1 trả số tiến 36.414.000 đồng là chưa đúng với bản chất của vụ án dẫn đến việc giải quyết vụ án chưa khách quan, toàn diện, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Nên kháng nghị đề nghị huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Lê Văn T giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Danh T1 giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị : Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy Toà án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, thiếu người tham gia tố tụng cho nên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Danh T1; Chấp nhận kháng nghị số 414/QĐ-VKS-DS Ngày 18/8/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp, Huỷ toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DSST ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Danh T1 và Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp ban hành trong hạn luật định nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Đối với trường hợp anh Phan Văn N: Qua xác minh tại địa phương thể hiện anh Phan Văn N; trước đây có sinh sống tại địa chỉ: Thôn G, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nhưng không có đăng ký Hộ khẩu thường trú hay tạm trú và đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 8/2022 cho đến nay không rõ địa chỉ nên Tòa án không tiến hành niêm yết tại địa phương được mà Thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú là đúng quy định.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Danh T1 và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp thì thấy:

[2.1]. Ông Lê Văn T khởi kiện yêu cầu buộc ông Nguyễn Danh T1 phải trả tiền đối với 04 phiếu cân mỳ có trọng lượng là **22.759kg** bao gồm: Phiếu số 0136/08/22 ngày 12/08/2022, trọng lượng là 4,987kg; Phiếu cân số 0137/08/22 ngày 12/08/2022, trọng lượng là 4,750kg; Phiếu cân số 0149/08/22 ngày 13/08/2022, trọng lượng là 6.616kg; Phiếu cân số 0150/08/22 ngày 13/08/2022, trọng lượng là 6.406kg có giá trị thành tiền là 36.414.000^{đ} (*Ba mươi sáu triệu bốn trăm mười bốn ngàn đồng*).

[2.2]. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm ông T1 thừa nhận có nhổ mì trên diện tích 02 ha đất của ông T khởi kiện**.** Sau khi nhổ Mỳ ông T1 đã chở đến trạm cân Hội Lụa bán, số lượng Mì này có trọng lượng là **22.759kg** và đã nhận đủ tiền của người mua. Ông T1 cho rằng ông không mua Mỳ của ông T mà mua Mỳ của anh N và đã trả tiền cho anh N nên không trả tiền cho ông T. Ông T1 cho rằng việc thanh toán tiền mua Mì, cho anh N có ông Lâm Văn T3 biết . Tuy nhiên, lời khai ngày 19/7/2023 ông Lâm Văn T3 trình bày : "*Tôi không nhớ rõ thời gian, tại* quán C *tôi có thấy ông* T1 *đưa cho anh* N *một số tiền (không rõ là bao nhêu tiền)về nội dung đưa tiền tôi chỉ nghe nói là ông* T1 *có mua mì ký của anh* N*, còn số lượng, mua ở đâu và mục đích đưa tiền làm gì thì tôi không biết"* (BL 90). Do đó, không có căn cứ xác định số tiền ông T1 đưa cho anh N là tiền ông T1 mua diện tích 2ha mì nói trên.

Mặt khác, ông T cho rằng ông chỉ nhờ anh N gọi điện cho ông T1 đến mua Mỳ tại rẫy của ông còn việc mua, bán giữa ông và ông T1 thoả thuận bằng miệng giá cả 1600đ/ kg, M sạch**.** Khi ông T1 cho người nhổ mì sau đó bốc M lên xe chở về trạm cân Hội Lụa bán. Ông T cũng có mặt tại rẫy và theo xe chở M về trạm cân Hội Lụa để cân mỳ và lấy phiếu về làm căn cứ để ông T1 thanh toán tiền Mỳ cho ông**.**

[2.3]. Như vậy, có căn cứ xác định giữa ông T và ông T1 đã phát sinh hợp đồng mua bán tài sản, hình thức hợp đồng bằng miệng. Ông T đã bán cho ông T1 **22.759kg** Mỳ sạch với giá 1.600 đồng /kg, theo 04 phiếu cân mì nêu trên và yêu cầu ông T1 trả số tiền là 36.414.000^{đ} (*Ba mươi sáu triệu bốn trăm mười bốn ngàn đồng*) nhưng ông T1 không trả. Do vậy ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với ông T. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T là phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Danh T1 và

kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

[3.1] Về chi phí tố tụng: Ông Lê Văn T phải chịu 3.000.000 đồng lệ phí thông báo nhắn tin tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú, được khấu trừ vào số tiền ông T đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng, ông T đã nộp đủ.

[3.2] Về án phí DSST: Ông Nguyễn Danh T1 phải chịu 1.820.700 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm

[3.3] Về án phí DSPT: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Danh T1 phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Danh T1.

Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 414/QĐ-VKS-DS Ngày 18/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh ĐắkLắk.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DSST ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Điều luật áp dụng:

- Căn cứ Điều 430, 431, 432; 433, 434, và Điều 440 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3]. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T.

[3.1] . Buộc ông Nguyễn Danh T1 có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn T tổng số tiền là 36.414.000[đ] (*Ba mươi sáu triệu bốn trăm mười bốn ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.2]. Về án phí và chi phí tố tụng:

[3.2.1]. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Văn T phải chịu 3.000.000 đồng lệ phí thông báo nhắn tin tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú, được khấu trừ vào số tiền ông T đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng, ông T đã nộp đủ.

[3..2. 2] Về án phí DSST: Ông Nguyễn Danh T1 phải chịu 1.820.700 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Ông Lê Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lê Văn T số tiền tạm ứng án phí 910.000 đồng theo biên lai thu số 0010355 ngày 07 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện huyện Ea Súp.

[3.3.3].Án phí DSPT: Ông Nguyễn Danh T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0003738 ngày 28/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện huyện Ea Súp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND cấp cao tại Đà Nẵng;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND huyện E;*
- *Chi cục THADS huyện E;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đinh Thị Tuyết